

Số: 152 /TB-HĐ

Phú Quốc, ngày 14 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2024 đối với các vị trí
việc làm chuyên ngành tại các Trường mầm non và phổ thông công lập
thuộc Ủy ban nhân dân thành phố**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông báo số 4938-TB/BCSD ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo ý kiến của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương tạm dừng tuyển dụng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 584/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về tuyển dụng viên chức năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2024 đối với các vị trí việc làm chuyên ngành tại các Trường mầm non và phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 thông báo công nhận kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2024 đối với các vị trí việc làm chuyên ngành (theo Đề án vị trí việc làm) trong các trường mầm non và phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Công nhận kết quả trúng tuyển đối với 61 trường hợp trúng tuyển tại các vị trí việc làm chuyên ngành (theo đề án vị trí việc làm) trong các Trường mầm non và phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

(Có danh sách kèm theo)

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Lưu ý

Đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, được bố trí (tuyển dụng) làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm, đề nghị gửi kèm Bảng ghi quá trình công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định của pháp luật về tuyển dụng viên chức.

3. Địa điểm hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Phòng Nội vụ thành phố Phú Quốc, số 4, đường 30/4, khu phố 2, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến thí sinh biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- HETDVC năm 2024;
- Ban Giám sát;
- Phòng Nội vụ;
- LĐVP + đ/c Nhung;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Thí sinh trúng tuyển;
- Lưu: VT, tvtuyen.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Nguyễn Duy Linh**

DANH SÁCH CÔNG MIỄN KẾT QUẢ TRƯNG TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN NGÀNH TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON VÀ PHÒ THÔNG CÔNG LẬP
(Kèm theo Thông báo số 45/LT-B-HĐ ngày 14 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024)

Số TT	Số Báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ			Đổi tương ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2			Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)	Nguyễn vọng 1			Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	VC014	Phạm Thị Kim Oanh		1993	Kim Sơn - Ninh Bình	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Dương Đông 1	Trường Tiểu học Dương Đông 2	-	81,5	81,5	Trường Tiểu học Dương Đông 1		
2	VC074	Nguyễn Thị Diễm		2000	An Minh - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Tin học	Sư phạm Tin học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Dương Đông 3	Trường THPT&THCS Cửa Cạn	-	76,5	76,5	Trường Tiểu học Dương Đông 3		
3	VC075	Lê Thị Hoàng Ngọc		2000	Nga Sơn - Thanh Hóa	Kinh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Dương Đông 3	Trường THPT&THCS Cửa Cạn	-	66,5	66,5	Trường THPT&THCS Cửa Cạn		
4	VC004	Vô Thị Đen		2000	U Minh Thượng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Dương Đông 3	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	-	75,3	75,3	Trường Tiểu học Dương Đông 3		
5	VC009	Dương Hoàng Hiện	1999		Giồng Riềng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Dương Đông 4	Trường THPT&THCS Nguyễn Trung Trục	-	91,3	91,3	Trường Tiểu học Dương Đông 4		
6	VC023	Trình Thị Yên		2002	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 2	Trường Tiểu học Cửa Dương 2	-	88	88	Trường Tiểu học An Thới 2		
7	VC020	Trần Thiệu Thanh		1999	Tĩnh Biên - An Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 2	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	-	92,5	92,5	Trường Tiểu học An Thới 2		
8	VC018	Trần Hoàng Sơn	1999		An Phú - An Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 2	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	-	85	85	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
9	VC097	Trần Công Lý	1996		Đức Phổ - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Huấn luyện thể thao	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy thể dục	Trường Tiểu học An Thới 2	-	-	80	80	Trường Tiểu học An Thới 2		
10	VC007	Nguyễn Trí Dũng	1981		Campuchia	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 3	Trường Tiểu học An Thới 2	-	91	91	Trường Tiểu học An Thới 3		
11	VC003	Nguyễn Thị Đào		1996	Ba Đồn - Quảng Bình	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 3	Trường Tiểu học An Thới 2	-	85,5	85,5	Trường Tiểu học An Thới 3		

Số TT	Số Báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ		Đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2			Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)			Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	VC008	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		1993	U Minh Thượng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 3	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	-	87,5	87,5	Trường Tiểu học An Thới 3	
13	VC024	Nguyễn Thị Kim Yến		1993	Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Dương Tơ 1	Trường Tiểu học Dương Đông 2	-	69,5	69,5	Trường Tiểu học Dương Tơ 1	
14	VC046	Nguyễn Thị Bích Thảo		1989	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tiếng anh	Trường Tiểu học Dương Tơ 1	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	57,5	57,5	Trường Tiểu học Dương Tơ 1	
15	VC012	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn		1997	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	Trường TH&THCS Hàm Ninh	-	72	72	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	
16	VC011	Nguyễn Thị Thanh Ngân		2000	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học An Thới 3	Trường TH&THCS Hàm Ninh	-	82	82	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	Trùng nguyên trong trường hợp có kết quả tuyển dụng thấp hơn liên hệ
17	VC022	Phạm Thị Tuyết		1987	Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Con bệnh binh	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Cửa Dương 2	Trường Tiểu học Dương Đông 3	5	90	95	Trường Tiểu học Cửa Dương 2	
18	VC010	Đào Thị Túy Hoàng		1993	Tuy Hòa - Phú Yên	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường TH&THCS Gành Dầu	-	83	83	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
19	VC002	Thái Đào Minh Cảnh	1997		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường TH&THCS Gành Dầu	-	85,5	85,5	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
20	VC021	Trần Cẩm Tiên		1996	An Biên - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường Tiểu học Dương Đông 3	-	92	92	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
21	VC015	Bùi Nguyễn Yến Phi		1997	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường Tiểu học Cửa Dương 2	-	90,3	90,3	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
22	VC054	Nguyễn Thị Hoài Thu		1993	Triệu Phong - Quảng Trị	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Tiếng anh	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	-	-	67,5	67,5	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
23	VC058	Nhâm Danh Hoàng Thư		2000	Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý	Sư phạm Địa lý	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Địa lý	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường TH&THCS Gành Dầu	-	99,5	99,5	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	
24	VC057	Nguyễn Thị Thanh Ngân		2000	Long Xuyên - An Giang	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý	Sư phạm Địa lý	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Địa lý	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	Trường THCS Dương Đông 1	-	91	91	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	

Số TT	Số Bảo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2			Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Năm	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)	Nguyễn vọng 1			Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
25	VC016	Tăng Thị Phương		1989	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường Tiểu học Dương Tơ 2		90,5	90,5	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
26	VC006	Lục Thị Phương Dung		1990	Gò Quao - Kiên Giang	Klimer	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Người dân tộc thiểu số	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	5	93,3	98,3	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
27	VC001	Trần Bằng		2000	Quảng Điện - Thừa Thiên Huế	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	-	92,5	92,5	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
28	VC019	Trần Hồng Thẩm		1978	Cái Nước - Cà Mau	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường Tiểu học Dương Đông 2	-	55	55	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
29	VC076	Lê Xuân Vinh		1983	Mỏ Cày Nam - Bến Tre	Kinh	Đại học Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường THPT&THCS Bãi Bón	-	51,8	51,8	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
30	VC065	Trần Văn Chính		1995	An Minh - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Tin học	Sư phạm Tin học	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Tin học	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường THPT&THCS Gành Dầu	2,5	60,8	63,3	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
31	VC059	Nguyễn Thành Ý		1999	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Địa lý	Sư phạm Địa lý	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Địa lý	Trường THPT&THCS Hàm Ninh	Trường THPT&THCS Nguyễn Trung Trực	-	98	98	Trường THPT&THCS Hàm Ninh		
32	VC064	Nguyễn Văn Têi		2000	Phủ Quốc - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Lịch sử	Trường THPT&THCS Cửa Cạn	Trường THCS Dương Đông 1	-	51,5	51,5	Trường THPT&THCS Cửa Cạn		
33	VC037	Vô Huyền Trân		1995	An Minh - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Gành Dầu	Trường THPT&THCS Nguyễn Trung Trực	-	79,3	79,3	Trường THPT&THCS Gành Dầu		
34	VC033	Nguyễn Thị Kim Mỹ		1999	Kiên Lương - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Gành Dầu	Trường THPT&THCS Bãi Thơm	-	82,5	82,5	Trường THPT&THCS Gành Dầu		
35	VC032	Nguyễn Thị Tố Kha		2000	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Gành Dầu	Trường THPT&THCS Bãi Thơm	-	62	62	Trường THPT&THCS Gành Dầu		
36	VC034	Huỳnh Thị Ngọc Mỹ		1997	Giồng Riềng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Gành Dầu	Trường THPT&THCS Bãi Bón	-	88,5	88,5	Trường THPT&THCS Gành Dầu		
37	VC036	Lưu Thảo Strong		1999	Giồng Riềng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường THPT&THCS Gành Dầu	Trường THPT&THCS Bãi Thơm	-	60,8	60,8	Trường THPT&THCS Gành Dầu		

Số TT	Số Báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ		Đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2			Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)			Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
38	VC099	Nguyễn Khánh Trung	1996		Thạch Hà - Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Bóng đá	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy thể dục	Trường TH&THCS Gành Dầu	Trường Tiểu học An Thới 2	-	86,8	86,8	Trường TH&THCS Gành Dầu	
39	VC067	Trương Thị Thủy Diệu		1997	Thoại Sơn - An Giang	Kinh	Đại học sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	-	Giao viên Trung học cơ sở hạng III dạy Vật lý	Trường TH&THCS Gành Dầu	Trường TH&THCS Cửa Cạn	-	53,8	53,8	Trường TH&THCS Cửa Cạn	
40	VC068	Võ Thị Lệ Giang		1995	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	-	Giao viên Trung học cơ sở hạng III dạy Vật lý	Trường TH&THCS Gành Dầu	Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trực	-	61,5	61,5	Trường TH&THCS Gành Dầu	
41	VC124	Trần Vũ Minh Tâm		2000	Bình Lục - Hà Nam	Kinh	Đại học Sinh học	Sinh học	-	Thiết bị, thí nghiệm	Trường TH&THCS Gành Dầu	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	100	100	Trường TH&THCS Bãi Thơm	
42	VC125	Bùi Thị Thoa		1990	Đồng Triều - Quảng Ninh	Kinh	Đại học Hóa học	Hóa học	-	Thiết bị, thí nghiệm	Trường TH&THCS Gành Dầu	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	100	100	Trường TH&THCS Gành Dầu	
43	VC031	Nguyễn Ngọc Hân		1982	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	Thạc sĩ Giáo dục tiểu học; Đại học Giáo dục Tiểu học	Giáo dục tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Bãi Bón	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	55,3	55,3	Trường TH&THCS Bãi Bón	
44	VC069	Lê Thị Hải Lê		2000	Thịới Hóa - Thanh Hóa	Kinh	Đại học sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Sinh học	Trường TH&THCS Bãi Bón	-	-	79,5	79,5	Trường TH&THCS Bãi Bón	
45	VC077	Hoàng Văn Công	1984		Diễn Châu - Nghệ An	Kinh	Huấn luyện thể thao	Huấn luyện thể dục thể thao	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Thể dục	Trường TH&THCS Bãi Bón	Trường THCS Dương Đông 1	-	81	81	Trường TH&THCS Bãi Bón	
46	VC035	Nguyễn Văn Núi	1989		Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường TH&THCS Bãi Thơm	Trường TH&THCS Bãi Bón	-	58,5	58,5	Trường TH&THCS Bãi Thơm	
47	VC073	Võ Da Bảo	1998		An Minh - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Tin học	Sư phạm Tin học	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	-	74,3	74,3	Trường TH&THCS Bãi Thơm	
48	VC041	Võ Thị Tuyết Băng		1999	An Minh - Kiên Giang	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	-	Giáo viên Tiểu học hạng III dạy Tiếng anh	Trường TH&THCS Bãi Thơm	-	-	65	65	Trường TH&THCS Bãi Thơm	
49	VC071	Nguyễn Thị Lệ Trinh		1991	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Hóa học	Trường TH&THCS Bãi Thơm	Trường THCS Dương Đông 1	-	93	93	Trường TH&THCS Bãi Thơm	
50	VC084	Nguyễn Thị Duyên		1996	Bố Trạch - Quảng Bình	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	-	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III dạy Ngữ văn	Trường TH&THCS An Thới 2	-	-	77,5	77,5	Trường TH&THCS An Thới 2	

Số TT	Số Bảo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ			Đổi tương ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2			Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)	Nguyễn vọng 1			Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
51	VC052	Trần Thị Thanh Tâm		2001	Nghị Xuân - Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	-	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Tiếng anh	Trường THPTCS An Thới 2	Trường THPTCS Nguyễn Trung Trục	-	72,5	72,5	Trường THPTCS An Thới 2		
52	VC083	Nguyễn Công Thê	1992		Đức Phổ - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học Điện kinh	Giáo dục thể chất	-	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy thể dục	Trường THPTCS An Thới 2	Trường THCS Dương Đông 1	-	74	74	Trường THPTCS An Thới 2		
53	VC089	Vô Thị Ngọc Yến		1998	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	-	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Toán	Trường THPTCS Thỏ Châu	-	-	97	97	Trường THPTCS Thỏ Châu		
54	VC029	Phạm Huỳnh Như		2002	U Minh - Cà Mau	Kinh	Đại học Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	-	Giáo viên Mầm non hàng III	Trường THPTCS Thỏ Châu	-	-	70	70	Trường THPTCS Thỏ Châu		
55	VC063	Đỗ Thị Huyền		1987	Nga Sơn - Thanh Hóa	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Con thương binh	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Lịch sử	Trường THCS Dương Đông 1	Trường THPTCS Cửa Cạn	5	70	75	Trường THCS Dương Đông 1		
56	VC062	Siu Em		1996	Pleiku - Gia Lai	Gia Rai	Đại học Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Dân tộc thiểu số	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Lịch sử	Trường THCS Dương Đông 1	-	5	62,3	67,3	Trường THCS Dương Đông 1		
57	VC070	Bùi Văn Sỹ		1995	Diễn Châu - Nghệ An	Kinh	Đại học sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	-	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Hóa học	Trường THPTCS Dương Đông 1	Trường THPTCS Dương Đông 2	-	83,5	83,5	Trường THPTCS Dương Đông 1		
58	VC080	Lê Cường Sơn	1990		Bố Trạch - Quảng Bình	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	-	Giáo viên THPTCS hàng III dạy thể dục	Trường THPTCS Dương Đông 1	Trường THPTCS Bãi Bón	-	82	82	Trường THPTCS Dương Đông 1		
59	VC072	Huỳnh Văn Thích	1997		Bình Sơn - Quảng Ngãi	Kinh	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa lý thuyết và Hóa lý	Sư phạm Hóa học; Hóa lý thuyết và Hóa lý	-	Giáo viên Trung học cơ sở hàng III dạy Hóa học	Trường THPTCS Dương Đông 2	Trường THPTCS Dương Đông 1	-	91	91	Trường THPTCS Dương Đông 2		
60	VC121	Phạm Thị Mộng Anh		1991	Quảng Trạch - Quảng Bình	Kinh	Đại học sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý - Tin học	-	Thiết bị, thí nghiệm	Trường Trung học cơ sở An Thới 1	-	-	80	80	Trường Trung học cơ sở An Thới 1		
61	VC092	Bùi Thị Hương		1986	Thịệu Hóa - Thanh Hóa	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ Văn học nước ngoài	Sư phạm Ngữ văn; Văn học nước ngoài		Giáo viên Trung học phổ thông hàng III dạy Ngữ văn	Trường tâm Giáo dục nghệ nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	-	88	88	Trường tâm Giáo dục nghệ nghiệp - Giáo dục thường xuyên		
62	VC096	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1996	Quê Sơn - Quảng Nam	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	-	Giáo viên Trung học phổ thông hàng III dạy Sinh học	Trường tâm Giáo dục nghệ nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	-	62,5	62,5	Trường tâm Giáo dục nghệ nghiệp - Giáo dục thường xuyên		

Số TT	Số Báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ		Đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Kết quả điểm vòng 2				Đơn vị trúng tuyển	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm)			Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm thi viết môn NVCN	Tổng điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	